

Thứ ba, ngày 11 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giảm dần về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/5/2021		•	
Tuần 10/5-14/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng áp lực chốt lời gia tăng vào phiên chiều đã khiến chỉ số đóng cửa với mức giảm nhẹ. Dòng tiền đầu tư gia tăng với 11/19 nhóm ngành tăng điểm mặc dù khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ tiếp tục giằng co tại khu vực 1240-1270 trong những phiên tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: MBS_Tăng giá (Trang 3)

Cập nhật OCB PLX (Trang 6)

Cập nhật Công văn 3029/NHNN-TTGSNH (Trang 7)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.54** điểm, đóng cửa **1256.04**. HNX-Index **-0.51** điểm, đóng cửa **279.76**.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.76); VIB (+0.71); GVR (+0.65); VPB (+0.46); HVN (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.33); TCB (-1); VNM (-0.98); VHM (-0.95); HPG (-0.87)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,787** tỷ đồng, **-1.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,665 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 16.51 điểm. Thị trường có **261** mã tăng, 40 mã tham chiếu và **164** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-294.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-225.8 tỷ), NVL (-162.6 tỷ) và VIC (-57.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1256.04**
Giá trị: 20787.56 tỷ **-3.54 (-0.28%)**
Khối ngoại (ròng): 89.82 tỷ

HNX-INDEX **279.76**
Giá trị: 2270.03 tỷ **-0.51 (-0.18%)**
Khối ngoại (ròng): 4.56 tỷ

UPCOM-INDEX **81.07**
Giá trị: 754.22 tỷ **0.23 (0.28%)**
Khối ngoại(ròng): 23.07 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.2	-1.06%
Giá vàng	1,836	0.00%
Tỷ giá USD/VND	23,060	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	28,044	0.76%
Tỷ giá JPY/VND	21,184	0.00%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	14.77%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	174.7	HPG	-225.8
MSB	97.5	NVL	-162.6
STB	45.8	VIC	-57.2
HSG	28.2	VRE	-33.1
VHM	27.5	NLG	-31.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật BSR	Trang 6
Cập nhật DRC	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.50	-0.65%	-1.80%	8.70%	96.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	67.87	-0.66%	-1.50%	8.50%	71.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	212.09	-0.59%	-1.40%	8.00%	100.12%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1837.42	0.07%	3.30%	5.40%	6.39%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.35	0.14%	3.20%	8.20%	59.85%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1580.75	-0.43%	2.80%	13.10%	86.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	726.00	-0.62%	-0.10%	13.30%	35.51%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.86	0.21%	-0.90%	-2.80%	18.92%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	231.43	-2.02%	5.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.49	0.00%	4.50%	15.20%	57.99%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	148.05	-3.17%	5.60%	14.10%	25.63%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10382.00	-0.34%	5.70%	16.40%	97.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	927.69	2.30%	10.90%	18.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	991.08	3.93%	11.60%	19.90%			
Nhôm	USD/ton	2531.00	-0.35%	5.60%	12.00%	69.02%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	198.95	-0.66%	13.90%	33.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	95.50	1.70%	5.10%	14.60%	52.19%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 4 US cent tương đương 0.1% lên 68.32 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 2 US cent tương đương 0.03% lên 64.92 USD/thùng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.4% lên 1,836.89 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 0.3% lên 1,837.6 USD/ounce.

• Số liệu bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ cho thấy tăng trưởng việc làm trong tháng 4/2021 bất ngờ chậm lại, kéo đồng USD chạm mức thấp. Số liệu việc làm thấp hơn so với dự kiến làm giảm bớt kỳ vọng về sự phục hồi nền kinh tế lớn nhất thế giới và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể thắt chặt chính sách sớm hơn so với dự kiến.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 10% lên mức cao kỷ lục 1,326 CNY (206.3 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Singapore tăng 9.5% lên 224.65 USD/tấn. Tồn trữ quặng sắt tại các cảng của Trung Quốc giảm 2.05 triệu tấn xuống 131.05 triệu tấn – thấp nhất gần 2 tháng, công ty Mysteel cho biết.

• Giá thép và quặng sắt tại Trung Quốc đạt mức cao kỷ lục, trong bối cảnh nhu cầu tăng mạnh và mối lo ngại nguồn cung, khi dự kiến lạm phát tăng cũng thúc đẩy hoạt động mua vào đầu cơ.

• Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 6% lên 6,012 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng đạt mức cao kỷ lục 6,335 CNY/tấn.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Osaka tăng 1.5 JPY tương đương 0.6% lên 257 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 0.9% lên 14,595 CNY/tấn.

• Giá cao su tại Nhật Bản tăng sau khi Thủ tướng nước này cho biết, chính phủ có nguồn dự trữ có thể được sử dụng để hỗ trợ nền kinh tế khỏi sự tàn phá của đại dịch.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 4.85 US cent tương đương 3.2% xuống 1.4805 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London giảm 21 USD tương đương 1.4% xuống 1,518 USD/tấn. Fitch Solutions dự báo thiếu hụt cà phê toàn cầu niên vụ 2021/22 sẽ đạt 6.8 triệu bao (60 kg/bao) – mức cao nhất kể từ năm 2009/10

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE duy trì tại mức 17.49 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 1.4 USD tương đương 0.3% lên 466.1 USD/tấn.

	11/5	% 11/5	10/5	% 10/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1256.04	-0.28%	1259.58	1.43%	1.11%	1.30%
S&P 500			4188.43	-1.04%	-0.10%	2.23%
HĐTL S&P500	4152.75	-0.73%	4183.40	-0.99%	-0.13%	0.81%
Shang- hai	3441.85	0.40%	3427.99	0.27%	-0.95%	-1.18%
Euro Stoxx	3944.73	-1.95%	4023.35	-0.27%	0.51%	-0.86%

Phân tích kỹ thuật

MBS_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MBS đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong nửa cuối tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khá quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của MBS nằm tại khu vực xung quanh 24.5. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại mức 35, cắt lỗ nếu ngưỡng 22.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

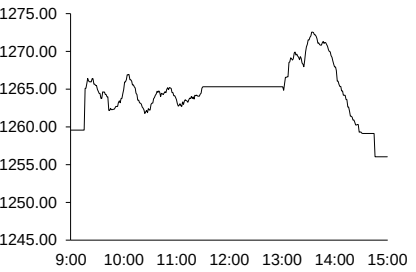
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.73%
Viễn thông	1.69%
Hóa chất	1.51%
Du lịch và Giải trí	1.13%
Truyền thông	0.94%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.82%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.43%
Xây dựng và Vật liệu	0.30%
Y tế	0.23%
Bảo hiểm	0.14%
Dầu khí	-0.07%
Ngân hàng	-0.16%
Bán lẻ	-0.24%
Thực phẩm và đồ uống	-0.28%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.33%
Dịch vụ tài chính	-0.61%
Công nghệ Thông tin	-0.61%
Bất động sản	-0.67%
Tài nguyên Cơ bản	-1.44%

Hình 1

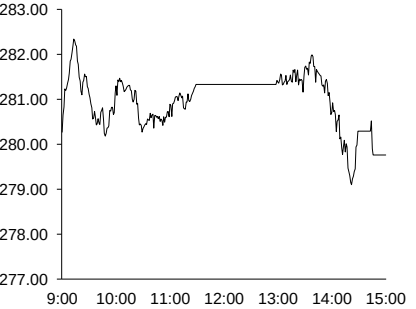
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	32.6	1	-1.81%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	31	4	6.53%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	32.7	5	3.48%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	30	6	3.27%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.5	12	6.06%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.4	13	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	85.2	32	3.78%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13	78	-8.45%	Cần nhắc cắt lỗ sớm

Chú thích:
 (*) **Trạng thái kỹ thuật không tốt**
 (**) **Tiệm cận giá mục tiêu**

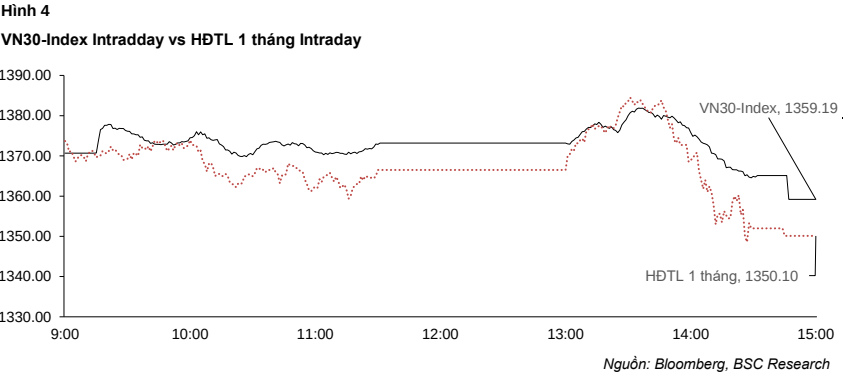
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	3	3.85%	-3.51%	1.40%	18
Cổ phiếu đã chốt	138	82	13.34%	-8.06%	5.36%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1350.10	-1.81%	-9.09	44.9%	274,860	5/20/2021	11
VN30F2106	1347.10	-0.06%	-12.09	41.8%	862	6/17/2021	39
VN30F2109	1335.00	-1.16%	-24.19	1.4%	74	9/16/2021	130
VN30F2112	1332.90	-1.27%	-26.29	-33.2%	181	12/16/2021	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm –11.47 điểm, xuống 1359.19 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, HPG, VIC, HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1370-1380 điểm, trước khi giảm mạnh cuối phiên xuống dưới 1360 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2106	8/27/2021	108	2:1	594,200	33.17%	4,100	13,300	19.82%	6,503	2.05	58,400	50,200	62,000
CSTB2104	8/27/2021	108	1:1	881,800	41.92%	4,000	10,980	18.06%	3,334	3.29	26,900	22,900	24,650
CSTB2103	8/9/2021	90	2:1	1,168,600	41.92%	1,400	8,250	10.00%	3,484	2.37	20,800	18,000	24,650
CMWG2102	8/2/2021	83	5:1	772,300	29.29%	3,000	7,650	9.29%	4,026	1.90	135,000	120,000	137,500
CSTB2010	6/11/2021	31	2:1	1,141,800	41.92%	1,100	6,850	8.56%	6,350	1.08	14,199	11,999	24,650
CMBB2101	7/6/2021	56	2:1	713,100	33.15%	1,600	8,420	3.95%	3,470	2.43	29,200	26,000	32,700
CSTB2014	6/14/2021	34	1:1	423,900	41.92%	3,800	12,840	3.13%	12,703	1.01	15,800	12,000	24,650
CVPB2015	7/30/2021	80	1:1	143,000	37.40%	5,600	37,090	1.26%	37,269	1.00	31,600	26,000	63,000
CVPB2103	8/9/2021	90	2:1	1,367,200	37.40%	2,700	14,700	-1.67%	13,464	1.09	41,900	36,500	63,000
CHPG2105	8/9/2021	90	2:1	362,800	33.17%	3,000	16,500	-2.08%	10,255	1.61	48,000	42,000	62,000
CHPG2018	5/14/2021	3	4:1	795,900	33.17%	1,200	7,970	-2.21%	8,003	1.00	34,799	29,999	62,000
CHPG2104	7/5/2021	55	3:1	545,100	33.17%	1,500	11,450	-2.22%	5,843	1.96	49,300	44,800	62,000
CNVL2003	6/11/2021	31	10:1	1,275,000	29.55%	1,000	6,580	-2.23%	6,478	1.02	73,979	63,979	128,500
CTCB2012	7/30/2021	80	1:1	153,100	35.09%	5,400	25,770	-2.53%	25,228	1.02	27,400	22,000	47,000
CHPG2103	7/6/2021	56	2:1	537,100	33.17%	3,900	15,000	-3.23%	10,154	1.48	49,800	42,000	62,000
CTCB2103	8/9/2021	90	2:1	530,900	35.09%	2,900	9,910	-3.51%	6,025	1.64	41,300	35,500	47,000
CHPG2102	7/5/2021	55	1:1	176,200	33.17%	6,600	26,000	-3.70%	21,293	1.22	47,600	41,000	62,000
CTCB2102	7/6/2021	56	2:1	694,700	35.09%	2,300	8,800	-4.35%	5,655	1.56	57,200	48,000	47,000
CTCB2101	10/5/2021	147	1:1	278,800	35.09%	5,000	21,400	-4.46%	6,738	3.18	36,000	31,000	47,000
Tổng				12,555,500	35.47%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao dịch tăng.
- CHPG2108 và CHPG2107 tăng mạnh lần lượt là 56.86% và 27.41%. Giá trị giao dịch tăng 15.82%. CVPB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.17% thị trường.
- CKDH2001, CVPB2102, CVPB2015, CHPG2018, và CSTB2014 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2104, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	63.00	1.12	1.37
STB	24.65	1.44	0.74
SBT	20.15	5.77	0.29
KDH	36.80	0.96	0.14
BID	42.10	1.69	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	47.0	-2.29	-3.07
VNM	91.2	-1.94	-2.31
HPG	62.0	-1.59	-2.23
VIC	131.0	-1.13	-1.13
HDB	30.0	-2.60	-1.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

OCB – Giá mục tiêu 27,000 VND – Upside 15.4% - BSC Company Update

	Q1/2020	Q4/2020	Q1/2021	% qoq	% yoy	Nhận xét
Thu nhập lãi thuần	1,181	1,591	1,366	-14.1%	15.7%	KQKD Q1.2021 ở mức thấp hơn so với trung bình ngành. NII +15.7% yoy đến từ (1) tín dụng +5.1% ytd, (2) NIM =3.7% (-45 bps). Non-NII -17.1% yoy nhờ (1) Fee income -16.0% yoy do giảm phí upfront từ Generali, nếu loại trừ +37% yoy, (2) giảm LN từ CKDT (-34.5% yoy) CIR giảm về mức 29.6%. Chi phí dự phòng -13.6% yoy. LNTT +15.2% yoy, thấp hơn so với toàn ngành (~70% yoy) Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện. Thông tin khác AM. Tiếp tục tập trung vào mảng bán lẻ, tăng tỷ trọng trong tương lai. Non-NII dự kiến +30% yoy, banca +50% yoy. CAR Basel II = 12.85% MTLT = 27.59%
Thu nhập ngoài lãi	826	1,358	684	-49.6%	-17.1%	
Trong đó: Thu nhập từ phí dịch vụ	151	314	127	-59.6%	-16.0%	
Tổng thu nhập hoạt động	2,006	2,948	2,050	-30.5%	2.2%	
Chi phí hoạt động	(529)	(716)	(583)	-18.6%	10.2%	
LN trước dự phòng	1,477	2,232	1,467	-34.3%	-0.7%	
Chi phí dự phòng	(370)	(323)	(192)	-40.8%	-48.2%	
LNTT	1,107	1,909	1,276	-33.2%	15.2%	
CASA	10.5%	12.0%	9.7%	-2.3%	-0.8%	
Tăng trưởng tín dụng (%)	8.6%	24.4%	5.1%	-19.3%	-3.5%	
Nợ nhóm 2 (%)	2.5%	3.0%	3.8%	80 bps	134 bps	Dự báo KQKD 2021. BSC dự báo OCB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2021 lần lượt đạt mức 8,917 tỷ VND (+11.3% yoy) và 5,393 tỷ VND (+22.0% yoy), BVPS 2021 = 15,877 VND/cp, P/B F 2021 = 1.47x.
NPL	1.7%	1.7%	1.7%	0 bps	1 bps	
Nợ vay có vấn đề (%)	3.0%	3.7%	4.5%	79 bps	146 bps	
LLCR	69.1%	62.1%	63.2%	1.1%	-5.9%	
LDR	73.6%	66.9%	66.2%	-0.7%	-7.4%	
NIM	4.1%	4.9%	3.7%	-1.3%	-45 bps	
CIR	32.2%	29.1%	29.6%	0.5%	-2.6%	
Chi phí tín dụng	2.0%	1.5%	0.8%	-0.7%	-1.2%	
ROAA	2.6%	2.6%	2.3%	-0.3%	-0.2%	
ROAE	25.4%	24.4%	20.4%	-4.0%	-5.0%	

Nguồn: OCB, BSC Research

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM: Đẩy mạnh tái cấu trúc, chuyển đổi năng lượng sạch

Mã cổ phiếu: PLX (HSX), Vốn hóa: 62,414 tỷ VND, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1,223.8 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 50,800 VND, Sở hữu nước ngoài: 13.62%

Chuyên viên phân tích: Thái Ngọc Lan Hương, CFA

Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Công ty đặt kế hoạch DTT= 135,200 tỷ VND (+9% yoy), LNTT = 3,360 tỷ VND (+138% yoy), tổng sản lượng 12.22 triệu tấn/m3 (-1% yoy), và tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%. Cổ tức tiền mặt năm 2020 là 12%.

Cập nhật tình hình kinh doanh Quý 1 năm 2021

LNTT ước đạt 900 tỷ VND (so với mức -1,702 tỷ VND cùng kỳ), hoàn thành 26.8% KH năm. Tổng sản lượng ước đạt gần 3.3 triệu tấn/m3, hoàn thành 27% KH năm. Sản lượng xăng dầu nội địa ước đạt gần 2.3 triệu tấn/m3 (+4.7% yoy) hoàn thành 25% KH năm, trong đó sản lượng bán lẻ ước đạt 1.4 triệu tấn/m3 (+6.6% yoy) hoàn thành hơn 25% KH năm.

Phương hướng hoạt động 2021

- (1) Tiếp tục nghiên cứu triển khai dự án LNG Mỹ Giang và các cơ hội đầu tư tiềm năng trong lĩnh vực năng lượng mới;
- (2) Tiếp tục triển khai việc tái cấu trúc các Tổng công ty/đơn vị thành viên của Tập đoàn;
- (3) Hoàn thành việc thoái vốn trong lĩnh vực ngân hàng tại PG Bank, giảm tỷ lệ vốn đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm tại PJICO, tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Chiến lược chuyển đổi số

- (1) Tiếp tục khai thác, tận dụng hệ thống cơ sở vật chất ERP_SAP, EGAS để tổng hợp thông tin, phân tích số liệu phục vụ công tác quản lý, quản trị;
- (2) Triển khai và hoàn thành chương trình báo cáo quản trị minh bạch BI để vận hành trong toàn ngành từ tháng 7/2021
- (3) Số hóa hệ thống quản lý đơn hàng để kiểm soát và theo dõi theo lộ trình trong năm 2021;
- (4) Triển khai áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt với thể hệ POS tiên tiến kết hợp với cơ sở dữ liệu Petrolimex ID (liên kết với ngân hàng HDBank), mục tiêu triển khai từ Q3/2021 tại các thành phố lớn;
- (5) Triển khai xây dựng thí điểm cửa hàng xăng dầu thông minh.

Tiến độ đầu tư dự án Kho LNG Mỹ Giang (Khánh Hòa)

Công ty cùng cổ đông chiến lược ENEOS và EVN đang nghiên cứu, báo cáo Bộ Công Thương trình chính phủ và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Dự án Kho LNG Mỹ Giang và Trung tâm Điện lực Mỹ Giang nằm trong sơ đồ Quy hoạch điện 8, do đó thuộc tầm nhìn dài hạn (hiện tại đang quy hoạch sơ đồ Quy hoạch điện 7).

Một số điểm thay đổi đáng lưu ý tại dự thảo Nghị định 83 sửa đổi

- (1) Đưa phương tiện bán xăng dầu mini (khối lượng tính 200l) vào hồ tại các địa bàn vùng sâu vùng xa
- (2) Giảm thời gian dự trữ lưu thông tối thiểu đối với thương nhân đầu mỗi từ 30 ngày xuống còn 20 ngày
- (3) Giảm chu kỳ điều hành giá từ 15 ngày xuống còn 10 ngày
- (4) Mở room sở hữu nước ngoài lên 35%

NHNN tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động cấp tín dụng tại các lĩnh vực rủi ro

Ngày 29/4, Ngân hàng Nhà nước gửi công văn số 3029/NHNN-TTGSNH về một số vấn đề trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD). Theo đó, một số vấn đề được NHNN đặc biệt quan tâm: (1) nợ xấu, (2) chỉ tiêu tín dụng, (3) hoạt động tín dụng đối với những lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.

Nợ xấu và chỉ tiêu tín dụng được yêu cầu thực hiện theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021. Điều này cho thấy trạng thái thận trọng của NHNN trong điều hành chính sách đối với hoạt động tín dụng, bối cảnh vận động tăng tốt trong những quý gần nhất. Tính tới 16/4, tín dụng tăng 3.3% (so sách M2 là 2.9%), tích cực tương đương mức bình quân giai đoạn năm 2015-2019, phản ánh sự hồi phục của cầu tín dụng bối cảnh triển vọng kinh doanh tích cực, cầu hàng hóa tăng cao cả trong nước và nước ngoài. Năm 2021, tín dụng khả năng tăng 14% như ước tính của một số TCTD (vs. mục tiêu 12% theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN). Tuy vậy, tín dụng tăng cũng làm dấy lên lo ngại dòng tiền không chảy vào vốn kinh doanh, mà đổ vào các hoạt động đầu cơ các tài sản rủi ro, nếu điều kiện cho vay tiếp tục được nới lỏng như năm 2020. Hoạt động cho vay tiêu dùng được nêu lên như ví dụ điển hình cho việc dòng tiền được sử dụng thực hiện mục đích khác như đầu tư vào tài sản rủi ro. **Cùng với đó, lĩnh vực bất động sản (nơi tín dụng tăng 3% đến cuối tháng 2) cùng một vài các khu vực khác cũng được yêu cầu gia tăng kiểm soát.**

Động thái yêu cầu tăng kiểm soát đối với các hoạt động cấp tín dụng cùng nhịp với hoạt động điều hành chính sách trong những tháng gần đây của các NHTW tại các nước đang phát triển. Bối cảnh bất động sản bình diện toàn cầu nhất loạt tăng giá, NHTW Trung Quốc thời điểm tháng 2, cũng bắt đầu thực hiện các biện pháp thắt chặt hơn hoạt động tín dụng, đặc biệt tín dụng bất động sản. Bối cảnh triển vọng lạm phát tăng mạnh năm 2021, dù khả năng ngắn hạn phản ánh tích cực của vĩ mô các khu vực chủ chốt kết hợp với việc chuỗi cung ứng tiếp tục chịu tác động của dịch bệnh, vẫn tạo áp lực lên điều hành chính sách của NHTW. Kể từ đầu năm, NHTW Nga điều chỉnh tăng lãi suất điều hành thêm tổng cộng 0.75% lên 5.00%, NHTW Brasil điều chỉnh tăng lãi suất điều hành thêm tổng cộng 1.50% lên 3.50%. Với việc dịch trở lại thêm một lần nữa khi phân phối vaccine hạn chế, việc ban hành công văn là phù hợp để cho thấy tín hiệu mạnh hơn về kiểm soát tín dụng với các lĩnh vực rủi ro, đồng thời vẫn giữ định hướng chính sách nới lỏng trợ giúp vĩ mô, khi chưa thay đổi điều hành lãi suất (tác động trên diện rộng).

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.5	-0.4%	1.0	2,842	8.3	9,051	15.2	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	94.0	0.4%	1.0	929	1.5	4,974	18.9	3.7	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	56.0	-0.2%	1.5	1,807	2.5	2,548	22.0	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	32.5	0.9%	0.5	316	0.0	3,809	8.5	1.0	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	131.0	-1.1%	0.7	19,265	6.7	2,174	60.2	5.5	14.6%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.0	-2.4%	1.1	3,063	7.0	1,175	26.4	2.3	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	98.0	-1.1%	1.1	14,016	13.5	7,874	12.4	3.5	22.5%	33.6%
DXG	Bất động sản	24.1	3.0%	1.3	543	12.5	(61)		1.9	33.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	34.2	-1.4%	1.4	960	24.3	2,776	12.3	1.9	45.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	68.2	0.0%	1.0	491	7.6	5,703	12.0	2.3	23.4%	22.1%
HCM	Chứng khoán	32.6	-1.8%	1.5	432	6.9	2,462	13.2	2.1	47.6%	16.4%
FPT	Công nghệ	85.2	-0.7%	0.9	2,923	7.8	4,718	18.1	4.0	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	77.3	-0.9%	0.4	920	0.1	5,165	15.0	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	85.3	-0.8%	1.3	7,098	2.7	3,946	21.6	3.2	2.6%	14.9%
PLX	Dầu khí	53.0	-0.6%	1.5	2,866	4.0	2,915	18.2	2.8	15.9%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.5	1.4%	1.6	447	8.6	1,375	15.6	0.8	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.4	0.7%	0.8	2,076	7.3	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.2	-0.6%	0.4	558	0.0	5,647	17.4	3.4	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.4	0.8%	0.7	313	0.8	1,928	9.5	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.1	0.6%	0.6	369	1.2	1,122	14.3	1.3	3.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.9	-0.2%	1.1	15,787	5.0	5,709	17.1	3.6	23.4%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.1	1.7%	1.3	7,362	9.9	2,048	20.6	2.1	16.8%	10.6%
CTG	Ngân hàng	44.2	-1.3%	1.3	7,155	30.5	4,765	9.3	1.8	25.9%	20.9%
VPB	Ngân hàng	63.0	1.1%	1.2	6,724	66.5	4,626	13.6	2.8	22.5%	22.5%
MBB	Ngân hàng	32.7	-1.5%	1.2	3,979	29.3	3,612	9.1	1.8	23.0%	21.6%
ACB	Ngân hàng	35.8	-1.1%	1.0	3,365	15.3	3,992	9.0	2.0	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	58.2	0.2%	0.7	207	0.3	6,160	9.4	2.0	81.7%	20.3%
NTP	Nhựa	36.6	-1.1%	0.5	187	0.1	3,988	9.2	1.6	19.2%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.9	4.7%	0.7	951	0.9	39	510.3	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	62.0	-1.6%	1.1	8,931	80.5	5,476	11.3	3.1	29.9%	31.3%
HSG	Thép	37.8	-3.7%	1.3	730	43.3	5,262	7.2	2.1	8.5%	34.2%
VNM	Tiêu dùng	91.2	-1.9%	0.7	8,287	16.9	4,682	19.5	6.1	55.2%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	152.2	1.1%	0.8	4,244	1.6	7,561	20.1	4.9	63.0%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	101.5	-0.1%	1.0	5,184	15.4	1,281	79.2	7.4	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.2	5.8%	1.2	541	3.7	1,131	17.8	1.6	8.4%	8.7%
ACV	Vận tải	71.3	-1.0%	0.8	6,749	1.8	577	123.6	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	119.0	-0.2%	1.1	2,802	2.7	2,256		4.3	19.1%	8.3%
HVN	Vận tải	27.6	3.8%	1.7	1,702	0.9	(9,327)		27.2	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	36.6	2.7%	1.0	480	10.3	1,246	29.4	1.8	39.2%	6.2%
PVT	Vận tải	16.6	0.9%	1.3	234	2.0	2,281	7.3	1.1	12.5%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.0	-0.9%	1.0	626	0.4	8,479	10.6	3.4	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	-0.3%	0.4	643	0.2	1,604	20.6	2.2	6.4%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	-2.1%	0.9	270	0.8	1,566	10.4	1.1	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	59.2	3.3%	1.0	191	1.2	3,352	17.7	0.5	44.9%	3.0%
CII	Xây dựng	21.1	5.0%	0.5	219	4.0	56	378.3	1.1	30.3%	0.2%
REE	Điện	54.9	-3.2%	-1.4	738	2.2	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.2	0.0%	-0.4	209	0.6	2,371	10.6	1.2	11.4%	13.2%
POW	Điện	12.3	0.8%	0.6	1,252	6.5	1,037	11.9	1.0	3.5%	8.6%
NT2	Điện	20.4	0.5%	0.5	255	0.3	1,872	10.9	1.4	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.9	0.3%	1.1	733	12.8	1,639	21.9	1.6	21.2%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	54.7	-1%	0.9	2,462	0.2			3.5	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.10	1.69	0.75	5.35MLN
VIB	61.30	3.90	0.68	1.35MLN
GVR	25.25	2.43	0.64	2.82MLN
VPB	63.00	1.12	0.46	24.54MLN
HVN	27.60	3.76	0.38	768900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.35	1.16MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-1.03	16.02MLN	607060
VNM	0.00	-1.00	4.20MLN	373600
VHM	0.00	-0.98	3.14MLN	192700
HPG	0.00	-0.88	29.57MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	6.58	6.99	0.07	28.92MLN
TMT	8.98	6.90	0.01	12800
PXT	2.17	6.90	0.00	382600
SVC	82.30	6.88	0.05	100
AGM	21.05	6.85	0.01	85800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	13.95	-7.00	0.00	4300
ABS	42.20	-6.95	-0.07	47100
CIG	6.98	-6.93	0.00	48100.00
PTC	9.73	-6.89	0.00	8900
VPS	17.70	-6.84	-0.01	81000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	25.30	2.02	0.46	59300.00
THD	189.20	0.21	0.15	1.11MLN
IDC	34.30	1.48	0.12	1.68MLN
PVS	21.50	1.42	0.10	9.17MLN
DL1	11.80	7.27	0.05	4600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	23.50	-2.08	-1.10	18.39MLN
VND	40.50	-2.41	-0.24	7.07MLN
NVB	16.20	-2.41	-0.24	4.85MLN
VFG	56.80	-5.80	-0.08	3000
VCS	90.00	-0.88	-0.04	95800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

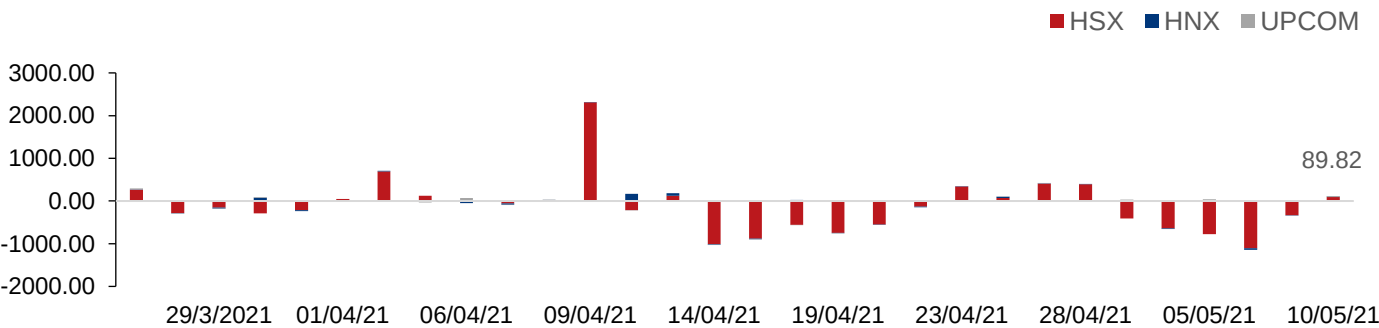
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPC	16.50	10.0	0.00	1700
QST	13.30	9.9	0.00	100
NHC	33.30	9.9	0.01	100
THS	26.70	9.9	0.01	100
BNA	43.70	9.8	0.02	310700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNC	52.40	-9.97	-0.01	200
TST	9.70	-9.35	0.00	100
CTC	6.80	-9.33	-0.01	193300
TMX	12.10	-9.02	0.00	200
NBW	20.40	-8.93	-0.01	300

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.7	1,400	11.2	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.8	3,992	9.0	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.3	577	123.6	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.4	3,834	7.1	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	44.2	4,765	9.3	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	57.7	13,880	4.2	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.3	5,505	12.4	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	124.0	7,653	16.2	4.2	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.4	1,928	9.5	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.1	2,379	11.4	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.1	-61		1.9	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.2	4,718	18.1	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	36.6	1,246	29.4	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.2	7,082	5.8	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	62.0	5,476	11.3	3.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	37.8	5,262	7.2	2.1	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.3	1,566	10.4	1.1	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.9	1,639	21.9	1.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.8	2,140	17.2	2.5	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	21.7			1.5	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.8	3,258	11.0	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	101.5	1,281	79.2	7.4	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.5	9,051	15.2	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.5	4,008	9.6	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	52.2	7,080	7.4	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.6	2,120	11.6	1.5	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.0	4,974	18.9	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.3	1,037	11.9	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.6	0	133.6	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.5	1,375	15.6	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	152.2	7,561	20.1	4.9	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.2	1,131	17.8	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	47.0	4,074	11.5	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.9	5,709	17.1	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	42.0	4,166	10.1	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.6	570	25.6	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.4	3,837	9.5	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.2	4,682	19.5	6.1	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	98.0	7,874	12.4	3.5	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.3	1,091	23.1	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	125.9	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	63.0	4,626	13.6	2.8	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.0	1,175	26.4	2.3	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	88.3	4,060	21.7	6.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639